

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/KDTM - PT.

Ngày : 07/05/2020

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng*

Mua bán hàng hoá.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thuý Hạnh

Bà Ngô Tuyết Băng

Thư ký Toà án nhân dân TP Hà Nội ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh - KSV

Ngày 07 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 164/2019/TLPT - KDTM ngày 24 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp: Hợp đồng mua bán hàng hoá.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2019/ KDTM – ST, ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận HBT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 32/2020/QĐPT – KDTM ngày 10 tháng 2 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần THN (gọi tắt Công ty THN)

Trụ sở: Xóm CT , xã HS, huyện LS, tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đào Quang T** - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn K** .

HKTT: Xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

Bà Tống Thị Ái V.

HKTT: Số 50, tổ 7, phường PL, quận HĐ, thành phố Hà Nội.

Văn bản ủy quyền số 155/VBUQ-GĐ ngày 05/01/2019

Bị đơn: Công ty cổ phần HCM (gọi tắt Công ty HCM)

Trụ sở: Số 255, PH, phường PH, quận , Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị M – Giám đốc.

Trú tại: Số 04, phố TV, phường BTX quận HBT , thành phố Hà Nội.
Bà M , ông K có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện ngày 05/01/2019, Bản tự khai ngày 04/4/2019, Công ty cổ phần THN trình bày:

Ngày 12/4/2016, Công ty THN (Bên B - Bên bán) và Công ty HCM (Bên A - Bên mua) ký Hợp đồng kinh tế số 12.04.2016/HĐKT/THN để mua bán sắt thép xây dựng. Thời hạn thanh toán là 45 ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục giao nhận hàng. Lãi suất chậm trả do quá hạn là 05 đồng/kg/ngày, tương đương 0,042%/ngày (15,33%/năm).

Bên A đã mua hàng của Bên B như sau :

- Ngày 17/4/2016, Bên A mua hàng trị giá: 1.971.305.082 đồng, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001619.

- Ngày 30/4/2016, Bên A mua hàng trị giá: 1.815.205.608 đồng, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001620.

- Ngày 08/6/2016, Bên A mua hàng trị giá: 1.619.466.330 đồng, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0002534.

- Ngày 29/6/2016, Bên A mua hàng trị giá: 370.042.200 đồng, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0003350.

Bên A đã thanh toán cho Bên B như sau:

- Ngày 28/4/2016, thanh toán 300.000.000 đồng.

- Ngày 29/4/2016, thanh toán 500.000.000 đồng.

- Ngày 03/6/2016, thanh toán 800.000.000 đồng.

- Ngày 28/6/2016, thanh toán 300.000.000 đồng.

- Ngày 18/8/2016, thanh toán 500.000.000 đồng.

- Ngày 30/8/2016, thanh toán 500.000.000 đồng.

- Ngày 09/02/2018, thanh toán 400.000.000 đồng.

Tính đến ngày 29/7/2019, Bên A đã mua hàng với tổng số tiền là: 5.776.019.220 đồng và đã thanh toán: 3.300.000.000 đồng, còn nợ Bên B tiền gốc mua hàng theo hợp đồng trên là: 2.476.019.220 đồng.

Trong quá trình mua bán và thanh toán, Bên A không thanh toán đúng hạn theo hợp đồng, nên phải chịu tiền lãi của số tiền chậm trả tạm tính đến ngày 29/7/2019 là: 1.287.679.334 đồng. Cụ thể:

1. Chuyển hàng thứ nhất (Hóa đơn: 0001619): 1.971.305.082 đồng. Ngày hết hạn thanh toán là: 31/5/2016.

- Ngày 28/4/2016, thanh toán 300.000.000 đồng (Đúng hạn).

- Ngày 29/4/2016, thanh toán 500.000.000 đồng (Đúng hạn).

- Ngày 03/6/2016, thanh toán 800.000.000 đồng. Quá hạn 03 ngày, tiền lãi phát sinh do chậm trả là: 1.008.000 đồng.

- Ngày 28/6/2016, thanh toán 300.000.000 đồng. Quá hạn 28 ngày, tiền lãi suất phát sinh do chậm trả là: 3.528.000 đồng.

- Ngày 18/8/2016, thanh toán 500.000.000 đồng, trừ vào số tiền 71.305.082 đồng của đơn hàng này, còn dư 428.694.918 đồng trừ vào đơn hàng thứ hai. Quá hạn 79 ngày, tiền lãi phát sinh do chậm trả là: 2.365.903 đồng.

2. Chuyển hàng thứ hai (Hóa đơn: 0001620): 1.815.205.608 đồng. Ngày hết hạn thanh toán là: 13/6/2016.

- Số tiền thanh toán của ngày 18/8/2016 còn thừa trả cho đơn hàng này là: 428.694.918 đồng, quá hạn 66 ngày, tiền lãi phát sinh do chậm trả là: 11.883.423 đồng.

- Ngày 30/8/2016, thanh toán 500.000.000 đồng. Quá hạn 78 ngày, tiền lãi phát sinh do chậm trả là: 16.380.000 đồng.

- Ngày 09/02/2018, thanh toán 400.000.000 đồng. Quá hạn 606 ngày, tiền lãi phát sinh do chậm trả là: 101.808.000 đồng.

Số tiền nợ còn lại 486.510.690 đồng của chuyển hàng này đến nay (ngày 29/7/2019) chưa thanh toán, quá hạn 1.141 ngày, tiền lãi phát sinh do chậm trả là: 233.145.653 đồng.

3. Chuyển hàng thứ ba (Hóa đơn: 0002534): 1.619.466.330 đồng nợ đến nay (ngày 29/7/2019) chưa thanh toán, quá hạn 1.102 ngày, tiền lãi phát sinh do chậm trả là: 749.553.796 đồng.

4. Chuyển hàng thứ tư (Hóa đơn: 0003350): 370.042.200 đồng nợ đến nay (ngày 29/7/2019) chưa thanh toán, quá hạn 1.081 ngày, tiền lãi phát sinh do chậm trả là: 168.006.560 đồng.

Công ty THN yêu cầu Tòa án buộc Công ty HCM trả số tiền mua hàng chưa thanh toán là 2.476.019.220 đồng và tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 29/7/2019 là 1.287.679.334 đồng, tổng là 3.763.698.554 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 30/7/2019 cho đến khi trả hết tiền nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty THN yêu cầu Tòa án buộc Công ty HCM trả số tiền mua hàng chưa thanh toán là 2.476.019.220 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 30/8/2019 là 1.320.957.033 đồng, tổng là 3.796.976.253 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 31/8/2019 cho đến khi trả hết tiền nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

Công ty cổ phần HCM trình bày: Năm 2015, Công ty HCM ký kết Hợp đồng tổng thầu số 69/2015/HĐTT/STL/HCM-DMK với Công ty cổ phần Sông Đà - Thăng Long về việc thiết kế, cung ứng vật tư, thiết bị và thi công xây dựng Tòa nhà 109, CT4, Khu đô thị mới Văn Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Tính đến ngày 09/02/2018, tổng giá trị vật tư và hàng hóa do các nhà cung cấp phục vụ thi công tòa nhà là 141.689.785.599 đồng, đã thanh toán 94.073.595.845 đồng, còn nợ 47.616.189.754 đồng. Tổng giá trị nghiệm thu tạm tính là 154.621.580.717 đồng, nhưng chưa được thanh toán đồng nào do chủ đầu tư gặp khó khăn về tài chính. Công ty HCM đã mua thép của Công ty THN với tổng giá trị 5.776.019.220 đồng, đã thanh toán 3.300.000.000 đồng, còn nợ 2.476.019.220 đồng. Khi có nguồn từ dự án, Công ty sẽ thanh toán nợ cho Công ty THN, dự kiến bắt đầu trả dần nợ gốc từ tháng 5/2020. Công ty HCM xin miễn hoàn toàn tiền lãi do bất khả kháng vì Công ty không thể thu được lãi từ chủ đầu tư và khả năng thu hồi nợ gốc 154.621.580.717 đồng gặp rất nhiều khó khăn, không có nguồn thu từ dự án.

Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2019/KDTM – ST, ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận đã quyết định như sau :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần THN về việc đòi Công ty cổ phần HCM trả số tiền mua hàng hóa chưa thanh toán theo Hợp đồng kinh tế số 12.04.2016/HĐKT/THN ngày 12/4/2016. Buộc Công ty cổ phần HCM trả Công ty cổ phần THN số tiền gốc là: 2.476.019.220 đồng (Hai tỷ, bốn trăm bảy mươi sáu triệu, không trăm mười chín nghìn, hai trăm hai mươi đồng) và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 30/8/2019 là: 1.320.957.033 đồng (Một tỷ, ba trăm hai mươi triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn, không trăm ba mươi ba đồng), tổng là: 3.796.976.253 đồng (Ba tỷ, bảy trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi ba đồng).

2. Về án phí:

2.1. Công ty cổ phần THN được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 51.505.000 đồng (Năm mươi một triệu, năm trăm linh năm nghìn đồng) theo biên

lai thu số 0002243 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận , thành phố Hà Nội.

2.2. Công ty cổ phần HCM phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 107.939.525 đồng (Một trăm linh bảy triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi lăm đồng).

Sau khi xét xử sơ thẩm Công ty HCM kháng cáo một phần bản án với nội dung :

Do chủ đầu tư – Công ty cổ phần SĐ còn nợ tiền Công ty HCM nên Công ty đề nghị miễn toàn bộ lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm :

Công ty THN trình bày : Đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Công ty HCM trình bày : Do chưa thu hồi được nợ, Công ty gặp nhiều khó khăn nên đề nghị xin giảm toàn bộ lãi.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung : Hợp đồng mua bán được ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp pháp luật nên phát sinh hiệu lực, việc Công ty HCM chậm thanh toán là vi phạm hợp đồng do vậy không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty HCM, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*** Về thủ tục tố tụng :** Đơn kháng cáo của Công ty HCM trong thời hạn Luật định và hợp lệ.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty HCM xuất trình Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi ngày 1/7/2019 thể hiện Người đại diện theo pháp luật của Công ty HCM là bà Nguyễn Thị Mai, do vậy Tòa án xác định tư cách người đại diện theo pháp luật của Công ty HCM là bà Nguyễn Thị Mai.

*** Về nội dung :**

Trong quá trình giải quyết vụ án Công ty HCM xác nhận còn nợ Công ty THN số nợ gốc : 2.476.019.220 đồng và không kháng cáo về số nợ gốc, nên Tòa án cấp phúc thẩm

giữ nguyên về số nợ gốc, chỉ xem xét kháng cáo về tiền lãi do chậm thanh toán.

Về tiền lãi chậm thanh toán : Ngày 12/4/2016, Công ty THN (Bên B - Bên bán) và Công ty HCM (Bên A - Bên mua) ký Hợp đồng kinh tế số 12.04.2016/HĐKT/THN để mua bán sắt thép xây dựng, việc hai bên ký hợp đồng trên cơ sở tự nguyện và phù hợp pháp luật, nên Hợp đồng phát sinh hiệu lực. Các bên không tranh chấp về quá trình ký kết và thực hiện Hợp đồng nên Tòa án không xem xét. Điều 4 Hợp đồng nêu trên thể hiện : *“Thời hạn thanh toán : Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị lô hàng sau 45 ngày kể từ ngày hai bên hoàn thành thủ tục giao nhận hàng. Nếu đến hạn thanh toán mà bên A chưa thanh toán dứt điểm giá trị tiền hàng cho bên B là vi phạm Hợp đồng và phải trả thêm cho bên B số tiền lãi quá hạn trên số tiền quá hạn trong suốt thời gian quá hạn thanh toán. Lãi suất áp dụng là 05 đồng/kg/ngày ”*

Căn cứ lời thừa nhận của hai bên đương sự thể hiện việc Công ty HCM còn nợ Công ty THN số nợ gốc : 2.476.019.220 đồng đến nay chưa thanh toán là vi phạm thỏa thuận về thời hạn thanh toán được quy định trong hợp đồng, do vậy Công ty HCM phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005. Hai bên thỏa thuận lãi chậm thanh toán là 05 đồng/kg/ngày, đơn giá bình quân 11.767 đồng/kg (đã có VAT), tương đương 0,042%/ngày (bằng 15,33%/năm) là phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty HCM trả Công ty THN số tiền lãi chậm thanh toán từ khi chậm thanh toán đến ngày 30/8/2019 với số tiền là 1.320.957.033 đồng là có căn cứ, do vậy không chấp nhận kháng cáo của Công ty HCM về lãi suất, căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Về án phí : Công ty HCM phải chịu án phí phúc thẩm.

* Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có quan điểm phù hợp pháp luật.

Từ những nhận định trên!

Căn cứ vào các Điều 24, 34, 42, 50, 55 và 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ khoản 1 điều 147, khoản 1 điều 148, khoản 1 điều 308, điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 điều 26, Khoản 1 điều 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Xử : Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty HCM

Giữ nguyên Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2019/ KDTM – ST, ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận HBT và quyết định như sau :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần THN về việc đòi Công ty cổ phần HCM trả số tiền mua hàng hóa chưa thanh toán theo Hợp đồng kinh tế số 12.04.2016/HĐKT/THN ngày 12/4/2016. Buộc Công ty cổ phần HCM trả Công ty cổ phần THN số tiền gốc là: 2.476.019.220 đồng (Hai tỷ, bốn trăm bảy mươi sáu triệu, không trăm mười chín nghìn, hai trăm hai mươi đồng) và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 30/8/2019 là : 1.320.957.033 đồng (Một tỷ, ba trăm hai mươi triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn, không trăm ba mươi ba đồng), tổng là: 3.796.976.253 đồng (Ba tỷ, bảy trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi ba đồng).

2. Về án phí:

2.1. Công ty cổ phần THN được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 51.505.000 đồng (Năm mươi một triệu, năm trăm linh năm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002243 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận HBT, thành phố Hà Nội.

2.2. Công ty cổ phần HCM phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 107.939.525 đồng (Một trăm linh bảy triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi lăm đồng)(chưa nộp), 2.000.000đ tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm được trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai số AB/2017/2821 ngày 19/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận HBT, thành phố Hà Nội.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 7/5/2020.

Nơi nhận:

- Tòa án ND Quận ;
- Viên kiểm sát ND TP Hà Nội;
- Dương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Hồng Hạnh